

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 353/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05-06-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Thái Hoàn Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đoàn Thị Thúy Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 728/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyễn Minh T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Lê Kim L, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đỗ Nguyễn Minh T trình bày:

Ông và bà Lê Kim L tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163 quyền số 01/2013 ngày 15/10/2013. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại nhà của gia đình bên chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã, bà L có biểu hiện ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ xúc phạm đến ông, thiếu chăm lo cho gia đình. Tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng trong việc giáo dục con cái, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà L nữa. Hai bên nhiều lần tự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà L vẫn không thay đổi tính tình. Vợ chồng ly thân từ năm 2017, chính thức không sống chung nhà khoảng 06 tháng nay. Do đó ông yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Kim L có lời khai thể hiện:

Thời gian kết hôn và chung sống đúng như ông T khai. Về mâu thuẫn, bản thân bà thừa nhận chưa thu xếp công việc có khoa học để chăm lo cho gia đình trong thời gian qua. Gần đây, bà đã tự khắc phục những khuyết điểm thu xếp công việc hợp lý cũng như việc học hành của bà để có nhiều khoảng thời gian trông chăm lo cho gia đình. Ngoài ra vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do ông T có biểu hiện thiếu chung thủy nên bà có ghen tuông, ông T có đánh bà. Do thiếu kiểm chế bản thân nên bà có lời lẽ thiếu tôn trọng đối với ông T. Ngoài ra bà sống không hòa thuận với gia đình bên chồng. Nay bà nhận thấy còn tình cảm với ông T và mong muốn ông T suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình để cho con có đầy đủ cả cha mẹ. Do đó bà không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung : Có một con chung là trẻ Đỗ Ánh Minh N sinh ngày 28/4/2014. Ông T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nếu giải quyết ly hôn bà L đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Lê Kim L nhưng bà L vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng ông T, bà L chung sống với

nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Ông T và bà L có 01 con chung tên Đỗ Ánh Minh N sinh ngày 28/4/2014. Ông T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nếu giải quyết ly hôn bà L đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Đỗ Nguyễn Minh T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do bà L hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Loan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 163 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2013, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Nguyễn Minh T và bà Lê Kim L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Ông T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, kết quả xác minh tại địa phương cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian ông T, bà L chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện ông T và bà L không sống chung nhà, mỗi người tự lo

cuộc sống của mình, không quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có hạnh phúc. Mặt khác, bà L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế ông T và bà L không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Xét, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Đỗ Ánh Minh N sinh ngày 28/4/2014, không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L có ý kiến đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp con và không đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương cho biết trẻ N hiện đang sinh sống cùng ông T. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc được nuôi con chung của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Nguyễn Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Kim L. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163 quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 15/10/2013 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Đỗ Ánh Minh N sinh ngày 28/4/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L do ông T chưa có yêu cầu.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà L hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà xác nhận không có và không nợ ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng ông Đỗ Nguyễn Minh T chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0012561 ngày 19/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND phường P, Q.Tân Phú
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

